

BẢNG SỐ 07: BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN YÊN MÔ

A. BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN YÊN THỊNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
1	Quốc lộ 12B kéo dài (đường 480 cũ)	Cầu Yên Thổ 1	Đường vào nhà máy nước (đường mới)	2.100	1.260	1.050	
		Cầu Yên Thổ 1	Hết cây xăng (đường cũ)	1.300	780	650	
		Giáp đường vào nhà máy nước	Giáp cây xăng Phương Tấn	2.600	1.560	1.300	
		Giáp cây xăng Phương Tấn	Đường vào Bệnh viện huyện	3.900	2.340	1.950	
		Đường vào Bệnh viện huyện	Đường vào Yên Hạ 2 (ngã 3 đường ĐT480C với quốc lộ 12B)	4.800	2.880	2.400	
		Đường vào Yên Hạ 2 (ngã 3 đường ĐT480C với quốc lộ 12B)	Đường vào Bò Vi	3.900	2.340	1.950	
		Đường vào Bò Vi	Hết đất thị trấn	2.100	1.260	1.050	
2	Đường đi Khánh Dương 480C	Ngã tư thị trấn Yên Thịnh	Đường vào cấp I thị trấn	3.200	1.920	1.600	
		Đường vào cấp I thị trấn	Cầu Kiệt	2.100	1.260	1.050	
3	Đường vào bệnh viện	Đường 12B	Hết ngã tư	3.900	2.340	1.950	
		Hết ngã Tư	Cầu Lạc Hiền	1.900	1.140	950	
		Ngã tư (dãy 2+3)	Cầu Lạc Hiền	1.500	900	750	
4	Đường vào UBND thị trấn	Ngã tư Liên Đá	Ngã tư UBND thị trấn	1.200	720	600	
		Ngã tư UBND thị trấn	Hết Trạm bơm Yên Phú	500	300	250	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Ngã tư UBND thị trấn	Cầu chợ Chóp	600	360	300	
5	Đường vào nhà thi đấu	Đường quốc lộ 12B (ngã 3 Xô số)	Đường vào cấp I thị trấn	2.000	1.200	1.000	
6	Đường vào phòng giáo dục	Đường Ngõ - Khánh Dương (ĐT 480C)	Đường vào nhà thi đấu	1.500	900	750	
7	Đường cạnh Đài truyền thanh	Đường Ngõ - Khánh Dương	Đường vào nhà thi đấu	1.200	720	600	
8	Đường vào cấp I thị trấn	Đường Ngõ Khánh Dương	Trường cấp I thị trấn Yên Thịnh	1.200	720	600	
9	Đường vào trạm Y tế Thị trấn	Đường Ngõ Khánh Dương	Đình Vật (Yên Hạ)	960	576	480	
10	Đường đi Khương Dụ	Đình Vật	Giáp Yên Phong	480	288	240	
11	Đường khu 2 (Vào UBND thị trấn cũ)	Đường quốc lộ 12B	Đình Vật	480	288	240	
12	Đường khu I	Cạnh nhà ông Chín	Đường đi Khương Dụ	360	216	180	
13	Đường vào xóm Mậu Thịnh	Đường quốc lộ 12B	Hết đất ông Vương	360	216	180	
14	Đường vào Bồ Vi	Đường quốc lộ 12B	Hết đất ông Chính	360	216	180	
15	Đường vào Trung Hậu	Đường quốc lộ 12B	Hết đất thị trấn Yên Thịnh (ông Khang)	360	216	180	
16	Đường cạnh ao nhà thờ Yên Thổ	Đường quốc lộ 12B	Nhà Văn hóa xóm Yên Thổ	500	300	250	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
17	Đường cạnh anh Minh Yên Thổ	Đường quốc lộ 12B	Hết đất thị trấn Yên Thịnh	500	300	250	
18	Đi Đông Nhạc	Giáp ông Tác	Đường đi Khương Dụ	360	216	180	
19	Khu đấu giá	Giáp ông Tiền	Hết khu đấu giá	1.500	900	750	
		Giáp ông Luyến	Hết đường bê tông	1.100	660	550	
		Giáp ông Quang	Hết đường bê tông	1.100	660	550	
		Giáp ông Quyết	Hết đường bê tông	1.000	600	500	
20	Khu dân cư Phú Thịnh	Khu 3		1.800	1.080	900	
		Khu 4		1.600	960	800	
		Khu 5		1.200	720	600	
		Khu 6		1.500	900	750	
		Khu 7		1.500	900	750	
		Trước cửa trung tâm vệ sinh môi trường		2.000	1.200	1.000	
21	Khu Hưng Thượng (dãy 2)			2.400	1.440	1.200	
22	Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		500	300	250	
		Khu dân cư còn lại		300	180	150	

151

B. BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
I. Trục đường giao thông chính							
1	Quốc lộ 1A						
	Xã Mai Sơn	Cầu Ghềnh	Giáp cây xăng Công an tỉnh	5.200	3.120	2.600	
			Giáp cây xăng Công an tỉnh	4.500	2.700	2.250	
			Giáp cây xăng số 2	4.200	2.520	2.100	
	Bên kia đường sắt	Cầu Ghềnh (phía Nam)	Đường vào núi Mơ	650	390	325	
	Bên kia đường sắt	Đường vào núi Mơ (phía Nam)	Cầu Vó	700	420	350	
2	Quốc lộ 12B (Đường 480 cũ)						
	Xã Mai Sơn	Ngã 3 Thanh Sơn (đường sắt)	Hết cổng trại giam	3.800	2.280	1.900	
			Hết cổng trại giam	3.300	1.980	1.650	
			Hết nhà ông Nguyễn xóm 3	3.000	1.800	1.500	
			Hết cổng ông Tôn	3.000	1.800	1.500	
	Xã Khánh Thượng	Đường ngõ bà Cảnh	Hết cổng Mơ	2.500	1.500	1.250	
			Hết cổng Mơ	2.200	1.320	1.100	
			Hết cầu Yên Thổ 2	3.000	1.800	1.500	
			Đường vào UBND xã	2.400	1.440	1.200	
			Cổng trường cấp 3	2.000	1.200	1.000	
			Hết cầu Yên Thổ 1 (đường mới)				

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Cổng ông Am	Cầu Yên Thổ 1 (đường cũ)	1.400	840	700	
	Xã Yên Phong	Đường vào trạm máy kéo	Đường vào nhà máy nước Yên Phong	3.400	2.040	1.700	
		Đường vào nhà máy nước Yên Phong	Đường vào xóm Vân Mộng	4.000	2.400	2.000	
		Đường vào xóm Vân Mộng	Hết Công ty Thủy Nông	2.700	1.620	1.350	
		Hết Công ty Thủy Nông	Cây gạo Ngoại Thương	2.000	1.200	1.000	
		Cây gạo Ngoại Thương	Đền Phương Độ	1.500	900	750	
		Đền Phương Độ	Cầu Lồng mới (đường Mới)	1.000	600	500	
		Đền Phương Độ	Cầu Lồng Cũ (đường cũ)	850	510	425	
	Xã Yên Mỹ	Cầu Lồng cũ	Hết cổng Gõ (đường cũ)	1.000	600	500	
		Hết cổng Gõ	Hết đường vào xí nghiệp gạch Yên Từ (đường cũ)	1.500	900	750	
	Xã Yên Từ	Cầu Lồng mới (đường Mới)	Hết đường vào xí nghiệp gạch Yên Từ	2.500	1.500	1.250	
		Hết đường vào xí nghiệp gạch Yên Từ	Mộ ông Đồng	2.500	1.500	1.250	
	Xã Yên Mạc	Mộ ông Đồng	Hết đền Cây Đa	1.800	1.080	900	
	Xã Yên Mỹ	Hết đền Cây Đa	Hết Ngân hàng khu vực Bút	4.200	2.520	2.100	
		Hết Ngân hàng khu vực Bút	Hết cầu Bút	5.000	3.000	2.500	
	Xã Yên Mạc	Hết cầu Bút	Hết cổng giáp trường cấp III B	4.200	2.520	2.100	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Hết công giáp trường cấp III B	Đường vào Đông Sơn (ông Chính)	3.500	2.100	1.750	
		Đường vào Đông Sơn (ông Chính)	Đường vào Trạm Y tế xã Yên Mạc				
		Hướng Tây Nam		2.700	1.620	1.350	
		Hướng Đông Bắc		2.500	1.500	1.250	
		Đường vào Trạm Y tế xã Yên Mạc	Đường vào chùa Hang (ông Tuấn)	2.500	1.500	1.250	
		Đường vào chùa Hang (ông Tuấn)	Ngã ba Hồng Thắng	2.200	1.320	1.100	
		Ngã ba Hồng Thắng	Giáp Yên Lâm (đường mới)	2.200	1.320	1.100	
		Ngã ba Hồng Thắng	Hết công Giếng Trại (đường cũ)	1.200	720	600	
	Xã Yên Lâm	Giáp Yên Mạc	Cầu Lợi Hòa	3.800	2.280	1.900	
		Cầu Lợi Hòa	Giáp đất Kim Sơn	2.500	1.500	1.250	
3	Đường 480B (Lồng - Cầu Rào)						
	Đoạn 1	Ngã ba Lồng	Giáp UBND xã Yên Phong	3.000	1.800	1.500	
	Đoạn 2	Giáp UBND xã Yên Phong	Giáp Trường cấp II Yên Phong	1.800	1.080	900	
	Đoạn 3	Giáp Trường cấp II Yên Phong	Cầu Rào	1.500	900	750	
4	Đường ĐT 480C (Đường Yên Thịnh-Khánh Dương cũ)						

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Xã Khánh Thịnh	Cầu Kiệt	Hết đền xóm Gạo	1.900	1.140	950	
	Xã Khánh Dương	Hết đền xóm Gạo	Hết cầu ông Trùy	1.800	1.080	900	
		Hết cầu ông Trùy	Cầu Tràng	1.800	1.080	900	
5	Đường QL.21B (Cổng Gõ - Tam Điệp)						
	Xã Yên Mỹ	Đường quốc lộ 12B (cổng Gõ)	Ngã 4 (đường vào xã)	1.900	1.140	950	
			Ngã 4 (đường vào xã)	1.100	660	550	
	Xã Yên Thành	Cổng Dem	Cổng Quán	750	450	375	
			Đê hồ Eo Bát	850	510	425	
			Đê Eo Bát	750	450	375	
			Nhà ông Thảo (thôn 83)	700	420	350	
			Nhà ông Thảo (thôn 83)	300	180	150	
			Nhà ông Thảo (thôn 83)	750	450	375	
	Xã Yên Đồng	Cổng Đồi Cốc	Ngã tư Tuôn	500	300	250	
6	Đường QL.21B (Yên Phong - Kim Sơn)						
	Xã Yên Phong	UBND xã Yên Phong	Đường vào xóm Mỹ Thành	1.800	1.080	900	
			Trạm bơm Lái Bàu	1.800	1.080	900	
			Hết Trạm bơm Lái Bàu	1.200	720	600	
	Xã Yên Từ	Giáp Yên Phong	Trạm Y tế xã Yên Từ	2.800	1.680	1.400	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Trạm Y tế xã Yên Từ	Hết nhà ông Hợp	3.800	2.280	1.900	
		Hết nhà ông Hợp	Đường vào Xuân Đồng	2.700	1.620	1.350	
		Đường vào Xuân Đồng	Hết Cầu Phương Nại	2.000	1.200	1.000	
	Xã Yên Nhân	Cầu Phương Nại	Ngã tư xóm Trung	1.100	660	550	
		Ngã tư xóm Trung	Cầu ông San	1.000	600	500	
7	Đường trục các xã						
7.1	Đường trục xã Yên Từ	Ngã tư chợ Quán	Cổng làng Nộn Khê	4.500	2.700	2.250	
		Cổng làng Nộn Khê	Hết ao đình Nộn Khê (ông Phú)	2.200	1.320	1.100	
		Đường 12B kéo dài	Cầu Nuồn	1.800	1.080	900	
7.2	Đường trục xã Yên Hòa (Đường ĐT 480C)	Hết UBND xã Yên Hòa	Hết cầu Lạc Hiền	2.200	1.320	1.100	
7.3	Đường trục xã Yên Mạc (đi Yên Nhân)	Đường quốc lộ 12B (ngã 3 chợ Bút)	Cầu Hà Thanh	1.700	1.020	850	
7.4	Xã Yên Thắng						
	Đường trục xã	Giáp Cầu Tu	Đường rẽ vào Vân Thượng 1	1.800	1.080	900	
		Đường rẽ vào Vân Thượng 1	Hết Trường cấp II	1.600	960	800	
		Hết Trường cấp II	Ngã 4 xóm 3	1.100	660	550	
		Cầu Cọ	Nông trường chè Tam Điệp	400	240	200	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Đồi Dù (công đầu kênh N2)	Giáp đất Tam Điệp	1.000	600	500	
		Ngã 4 Quảng Thượng	Đồng Quan	550	330	275	
		Núi Cháy	Giáp Yên Hòa	550	330	275	
		Cầu Tu mới	Kênh cấp 1 (công Ao Rau)	1.100	660	550	
		Kênh cấp 1 (công Ao Rau)	Ngã tư xóm 4	900	540	450	
		Ngã tư xóm 4	Cổng Sỏi	900	540	450	
		Cổng Cai (Yên Thành)	Cầu Cọ	700	420	350	
		Kênh cấp 1 (công Ao Rau)	Mã Cụ	800	480	400	
		Mã Cụ	Nhà bà Nghiêm	450	270	225	
7.5	Xã Yên Lâm						
	Đi Phù Xa	Ngã 3 Lợi Hòa	Trạm biến thế Phù Xa	2.200	1.320	1.100	
		Hết Trạm biến thế Phù Xa	Hết chùa Hoa Khéo	1.200	720	600	
		Hết Trạm biến thế Phù Xa	Ngã tư Đông Yên	600	360	300	
	Đường ĐT 482 (đi Yên Thái)	Hội trường Ngọc Lâm	Giáp Yên Thái	2.000	1.200	1.000	
	Đường trục xã	Cầu Lợi Hòa (đi đường dự án ngập lụt cấp bách)	Hết đất ông Túc (đầu làng Nhân Phẩm)	700	420	350	
		Đầu đường mới (đoạn giữa chùa Hoa Khéo đến đê sông Nhà Lê)	Cầu Hào Nho	550	330	275	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Đất ông Phụng (đầu đường 12B đi đường 480 cũ)	Giáp đất Yên Mạc	550	330	275	
7.6	Xã Khánh Thịnh						
	Đường trục	Nhà máy nước	Đến giáp ao ông Nhật	1.100	660	550	
7.7	Xã Mai Sơn						
	Đường 477	Từ cầu Duyên Hà	Cầu sông Vó	2.800	1.680	1.400	
	Đường trục khác (thôn, xóm)	Đoạn từ nhà bà Toàn (QL 1A)	Nhà ông Đạt xóm 7	800	480	400	
		Từ nhà bà Lý đường 480	Sông Ghềnh	700	420	350	
	Đường trục xã	Nhà văn hóa xóm 5	Cổng bà Phòng	700	420	350	
7.8	Xã Yên Thái						
	Đường ĐT 482 (đường trục xã)	Nhà văn hóa xóm Dầu	HTX nông nghiệp Quảng Công	700	420	350	
7.9	Xã Khánh Dương						
	Đường trục khác (thôn, xóm)	Ngã tư Thạch Lỗi	Hết xóm 1	450	270	225	
II. Khu dân cư nông thôn							
1	Xã Yên Hưng						
	Đường liên xã WB2	Hết cầu chợ Chớp	Hết chùa xóm Giò	850	510	425	
		Hết chùa xóm Giò	Nhà máy nước	650	390	325	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Nhà máy nước	Giáp Yên Mỹ	700	420	350	
		Cổng ông Chuôi	Giáp cổng vào UBND xã	700	420	350	
		Giáp cổng vào UBND xã	Hết nhà ông Thông	450	270	225	
	Đường đê sông Ghềnh	Từ nhà ông Ồi	Trường cấp I	350	210	175	
	Các tuyến dong xóm			280	168	140	
	Khu dân cư nông thôn (Đường ô tô 4 chỗ vào được)			280	168	140	
	Khu dân cư còn lại			220	132	110	
2	Xã Yên Mỹ						
	Đường vào xã	Ngã 4 (Đường vào xã)	Hết Trạm biến thế	1.320	792	660	
		Hết Trạm biến thế	Hết bờ sông Bút	1.100	660	550	
		Hết Trạm biến thế	Hết cổng Mát Ròng	1.000	600	500	
		Hết cổng Mát Ròng	Hết đền Cây Đa	800	480	400	
		Hết Trạm biến thế	Hết cổng xóm 10	800	480	400	
		Hết Trạm biến thế	Nhà ông Miên	700	420	350	
		Nhà ông Miên	Hết cầu Lộc	700	420	350	
		Nhà ông Hứa	Nhà ông Vân xóm 9	700	420	350	
		Cầu Trạm xá	Nhà ông Huân xóm 6	700	420	350	
		Cổng quay xóm 5A	Cổng Mát Ròng	330	198	165	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Cửa nhà ông Mùi	Ngã tư Đồng Sáu	330	198	165	
		Nhà ông Miên	Gốc gạo xóm 10	330	198	165	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			330	198	165	
	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
3	Xã Khánh Thịnh						
	Đường trục xã	Cầu Kiệt (ngã tư đường ĐT480C)	Hết công trạm bơm (ông Chánh)	1.350	810	675	
		Hết công trạm bơm (ông Chánh)	Hết công cửa ông Nhậm	1.700	1.020	850	
		Từ nhà ông Đạt (ngã tư)	Cổng nhà ông Huyền (xóm 11)	1.100	660	550	
		Từ giáp nhà ông Chiêng	Hết nhà ông Kiên	950	570	475	
		Từ nhà máy nước	Ao ông Nhật	1.000	600	500	
		Từ nhà ông Chuyên	Cổng Đồng Vôi	1.100	660	550	
		Nhà ông Mậm	Hết nhà ông Chu	1.100	660	550	
		Nhà ông Chuyên	Nhà ông Thiệu	1.100	660	550	
		Nhà ông Lập	Sân vận động trung tâm	800	480	400	
		Nhà văn hóa xóm 1	Đường trục Tả Biên	800	480	400	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			330	198	165	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Khu dân cư còn lại			250	150	125	
4	Xã Khánh Dương						
	Ngã 3 xóm hàng đến giáp đê sông Vạc	Ngã 3 xóm Hàng	Hết xóm 2	700	420	350	
		Hết xóm 2	Giáp sông Vạc	550	330	275	
		Ngã 4 Thạch Lỗi	Hết xóm 4	450	270	225	
		Ngã 3 xóm Đình	Chùa Tam Dương	400	240	200	
	Đường đi Khánh Thịnh	Giáp nhà ông Giao	Giáp nhà ông Bốn	680	408	340	
		Giáp nhà ông Toàn xóm 1	Giáp nhà ông Đượng	550	330	275	
		Giáp nhà ông Luân (cửa nhà bia)	Hết Trạm Y tế xã	550	330	275	
		Hết Trường cấp II	Xóm 1 Thạch Lỗi	550	330	275	
		Đường vào khu đấu giá bệnh viện		900	540	450	
		Chùa Tam Dương	Xóm Trại	700	420	350	
		Đường 480C	Cổng ông Huân	700	420	350	
		Đường 480C xóm Cầu	Cầu ông Hối	600	360	300	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			350	210	175	
	Khu dân cư còn lại			220	132	110	
5	Xã Yên Phong						

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Đường đi Khánh Thịnh						
		Đường quốc lộ 12B	Giáp xóm Vân Mộng	700	420	350	
		Khương Dự (ngã 3 ĐT480C)	Giáp Khánh Thịnh	700	420	350	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			400	240	200	
	Khu dân cư còn lại			330	198	165	
6	Xã Yên Từ						
	Đường trục thôn	Cổng làng Nộn Khê	Hết chợ Nuồn	1.300	780	650	
		Hết chợ Nuồn	Hết Cầu Nuồn	800	480	400	
		Hết ao đình Nộn Khê (ông Phú)	Hết nhà ông Cam (ao chăn nuôi)	800	480	400	
		Ngã tư chợ Quán (giáp ông Hùng)	Hết Nhà V.hóa xóm Đông	550	330	275	
		Ngã 3 Phúc Lại	Hội trường HTX Phúc Lại	550	330	275	
		Đường quốc 12B	Chợ mới	800	480	400	
	Khu dân cư Tây Kỳ Đồng Nuồn			1.350	810	675	
	Các lô đất nằm phía sau dãy 1	Đường 12B kéo dài	Cầu Nuồn	800	480	400	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			280	168	140	
	Khu dân cư còn lại			250	150	125	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
7	Xã Yên Nhân						
		Cầu Hà Thanh	Đường vào Quyết Trung	1.100	660	550	
	Đường trục xã	Đường vào Quyết Trung	Hết nhà ông Toàn (Yên Sư)	950	570	475	
		Nhà ông Toàn (Yên Sư)	Ngã tư xóm Trung (Liên Phương)	1.100	660	550	
		Ngã tư xóm Trung	Đê sông Vạc	700	420	350	
		Hết nhà ông Tặng	Hết nhà ông Định	400	240	200	
		Nhà ông Định	Nhà ông Huỳnh, xóm Quyết Trung	400	240	200	
		Hết nhà ông Tạo	Hết nhà ông Mậu	400	240	200	
		Hết chợ Điểm	Hết nhà ông Nhật	450	270	225	
		Hết nhà ông Chinh	Hết nhà ông Lộc	400	240	200	
		Nhà ông Hồng	Trạm bơm xóm Bắc	400	240	200	
		Nhà ông Toàn (Liên Phương)	Hết nhà ông Duy	400	240	200	
		Nhà văn hóa xóm ngoài	Nhà ông Khoan (xóm ngoài)	400	240	200	
		Từ nhà ông Niên trước cửa UBND xã	Sông sáu thôn	400	240	200	
		Từ kênh cấp 1 sau nhà ông Từ xóm Đông Bình Hải	Sông sáu thôn	400	240	200	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú	
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD		
		Từ kênh cấp 1 sau nhà ông Thạch xóm Vạn	Sông sáu thôn	400	240	200		
		Từ ông Định xóm Chí Bình	Ông Huỳnh xóm quyết trung	400	240	200		
		Từ ông Trường xóm Tây Hà	Ông Tuấn xóm Đông Hà	350	210	175		
		Từ ông Trường xóm Tây Hà	Ông Định xóm Tây Hà (bãi cát)	350	210	175		
		Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)		280	168	140		
		Khu dân cư còn lại		220	132	110		
8	Xã Yên Mạc							
		Đi Tây Sơn	Đường quốc lộ 12B	Tây Sơn	350	210	175	
		Đi Đông Sơn	Đường quốc lộ 12B	Nhà ông Tiến (Đông Sơn)	350	210	175	
		Đi Hồng Phong	Đường quốc lộ 12B	Hồng Phong (HTX)	350	210	175	
		Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)		280	168	140		
		Khu dân cư còn lại		220	132	110		
9	Xã Mai Sơn							
		Đường trục	Nhà khách Tinh đội	Nhà ông Hoàn xóm 7	700	420	350	
			Đường quốc lộ 12B (cạnh nhà ông. Bình)	Hết nhà ông Sinh xóm 3	700	420	350	
			Đường sắt cạnh nhà ông Liên	Hết nhà ông Hào xóm 5	650	390	325	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Đường sắt cạnh nhà ông Cừu	Hết nhà ông Hào	700	420	350	
		Hết nhà ông Sinh	Hết Trạm Y tế xã	700	420	350	
		Hết Trạm Y tế xã	Hết nhà ông Hào	650	390	325	
		Hết Nhà bà Tính (đường 480)	Giáp trụ sở HTX	800	480	400	
		Giáp nhà bà Tiếp	Kho lương thực	500	300	250	
		Trạm biến thế	Hết nhà máy gạch	550	330	275	
		Khu Địa Ngoài (dãy 2)		1.700	1.020	850	
		Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)		450	270	225	
		Khu dân cư còn lại		250	150	125	
10	Xã Khánh Thượng						
	Đường trục xã	Đường quốc lộ 12B	UBND xã Khánh Thượng	600	360	300	
		UBND xã Khánh Thượng	Ngã 3 Láng Xoan	350	210	175	
		Hết Chùa Tràng Linh	Bến đò Bầu	300	180	150	
		Đường quốc lộ 12B	Đình Trung (Lam Sơn)	330	198	165	
		Đường quốc lộ 12B	Hết nhà ông Mấn (xóm 1 Lam Sơn)	330	198	165	
		Đường quốc lộ 12B	Nhà ông Phú	330	198	165	
		Đường quốc lộ 12B	Nhà ông Thuyết (xóm 1 Lam Sơn)	330	198	165	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Nhà ông Bắc	Chùa Lam Sơn	280	168	140	
	Đi Tịch chân	Ngã 4 Đồng Phú	Núi Sậu	280	168	140	
	Đi Thắng Động	Ngã 4 Đồng Phú	Thắng Động	330	198	165	
	Đi Đồng Nhân	Ngã 3 Láng Xoan	Hết nhà Ông Tuynh	330	198	165	
	Đi Thái Hòa	Ngã 3 Láng Xoan	Chùa Tràng Linh	280	168	140	
	Đường trục xã	Đình Chung	Núi Sậu	550	330	275	
		Núi sậu	Mai Sơn	550	330	275	
		Núi sậu	Bà Cảnh	550	330	275	
		Xóm 5 Tịch Chân	Mai Sơn	600	360	300	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			280	168	140	
	Khu dân cư còn lại			220	132	110	
11	Xã Yên Thắng						
	Đường trục	Ngã 4 xóm 3	Cầu Xã	700	420	350	
		Cầu Xã	Ngã 4 Quảng Thượng	700	420	350	
		Ngã 4 Quảng Thượng	Cổng Mả La	500	300	250	
		Ngã 4 Quảng Thượng	Cầu Mễ	400	240	200	
		Ngã 4 xóm 3	Cây gạo xóm 4 (Ao Đình)	900	540	450	
		Ao cá tình	Hết đất ông Cừ (giáp đê hồ Yên Thắng)	700	420	350	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Ngã ba rẽ vào Vân Thượng 1	TBA Vân Du Thượng	440	264	220	
		Tuyến đường Mã Nhiêu		330	198	165	
		Ao tượng đài	Ngã tư UBND xã	500	300	250	
		Đường ngã tư UBND xã	Đầu làng Vân Hạ	500	300	250	
	Ven đê	Cầu Cọ	Đồi Dù	700	420	350	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô vào được)			280	168	140	
	Khu dân cư còn lại			200	120	100	
12	Xã Yên Hoà						
	Đường 480C (cũ: Đường trục khác)	Cầu Yên Thổ 2	Giáp ông Trung	700	420	350	
		Cầu Yên Thổ 2	Gốc Gạo	700	420	350	
		Giáp ông Roãn	Trạm biến thế Trung Hòa	1.100	660	550	
		Trạm biến thế Trung Hòa	Giáp Yên Thắng	1.100	660	550	
		Giáp ông Trung	Hết UBND xã Yên Hoà	2.000	1.200	1.000	
		Hết UBND xã Yên Hoà	Hết cống Đa Tán	1.100	660	550	
		Hết cống Đa Tán	Giáp Yên Thành	1.100	660	550	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô vào được)			440	264	220	
	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
13	Xã Yên Đồng						

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Đường trục	Cổng ông Cót	Đến đê Hồ	550	330	275	
		Ngã 4 Tràng Yên	Hết cầu Đàng	500	300	250	
		Ngã 4 Tràng Yên	Trụ sở hợp tác xã Thống Nhất	450	270	225	
		Hết cầu Đàng	Cổng ông Sự	380	228	190	
		Hết cầu Đàng	Ông Dĩ	400	240	200	
		Ngã 3 ông Dĩ	Cửa ông Bấm (Đông Sơn)	350	210	175	
		Cổng ông Cót	Cổng ông Sự	320	192	160	
		Cổng Mới	Đến ông Khánh	300	180	150	
		Hết bà Nhũ	Giáp ông Địa	495	297	248	
		Cổng ông Cốc	Đến Khu Tuồn	400	240	200	
		Trụ sở hợp tác xã Thống Nhất	Đến đê (Bà Ngân cũ)	385	231	193	
		Giáp ông Chí	Giáp ông Châm	350	210	175	
		Giáp ông Châm	Đập tràn số 2	350	210	175	
		Giáp ông Chí	Giáp bà Nhũ	440	264	220	
		Nhà ông Lợi	Cổng chào (hết nhà ông Hùng)	400	240	200	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			280	168	140	
	Khu dân cư còn lại			220	132	110	

168

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
14	Xã Yên Thái						
	ĐT 482	Cầu Hội	Giáp Yên Lâm	700	420	350	
		Cầu Hội	UBND xã Yên Thái	700	420	350	
	Đường trung tâm	Cầu Hội	Đình Tiên Thôn	550	330	275	
		Hết đình Tiên Thôn	Cổng bà Hường	550	330	275	
	ĐT 482	Cầu Hội	Trạm bơm 4000	550	330	275	
	Đường trung tâm	Trạm bơm 4000	Giáp Phú Tri (cổng Sảnh)	440	264	220	
		Giáp Phú Tri (cổng Sảnh)	Cầu Giang Khương	550	330	275	
		Cổng bà Hường	Cổng Thành Hồ	550	330	275	
	ĐT 482	Trạm bơm 4000	Cổng Yên Tế	700	420	350	
	Đường trung tâm	Trường cấp 1	Nhà ông Phuong	600	360	300	
		UBND xã Yên Thái	Hậu Thôn	550	330	275	
		Núi Ô rô	Cầu Mã Ôi	440	264	220	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			330	198	165	
	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
15	Xã Yên Lâm						
	Đi Đông Yên	Đầu đường quốc lộ 12B đường WB2 đi Đông Yên	Cổng làng Đông Yên	1.200	720	600	
		Cổng làng Đông Yên	Cổng Đầm Da	900	540	450	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Hết chùa Hoa Khéo	Đập Hảo Nho	700	420	350	
		Hết chùa Hoa Khéo	Cổng Vũ Thờ	700	420	350	
		Hết chùa Hoa Khéo	Đường mới giáp sông	800	480	400	
		Trường cấp II	Miếu Hạ	1.400	840	700	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			440	264	220	
	Khu dân cư còn lại			330	198	165	
16	Xã Yên Thành						
	Đường quốc lộ 12B	Cầu Lộc	Hết cổng Quán	700	420	350	
	Đi Trại Đanh	Ngã ba Lộc	Hết cổng Miếu Đanh	650	390	325	
		Hết cổng Miếu Đanh	Hết cầu Giang Khương	550	330	275	
	Đi Yên Hòa	Cổng Quán	Giáp Yên Hòa	500	300	250	
	Đường đê	Cầu Thượng Phường	Hết cổng cây Duối	400	240	200	
		Cổng Bạch Liên	Hết cổng ông Nghị	400	240	200	
		UBND Tiên Dương	Đê Hồ	400	240	200	
		Giáp đường 480D	Cổng Cai (chân Đê)	500	300	250	
		Ông Thùy - Yên Hóa	Đê Hồ	450	270	225	
		Cổng Miếu Đanh	Ngã tư Lãng Miếu	450	270	225	
	Khu dân cư nông thôn (đường ô tô 4 chỗ vào được)			250	150	125	
	Khu dân cư còn lại			220	132	110	